

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2022

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Hải

Ông Bùi Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Quang M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số C, đường H, khóm T, phường P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số Z, đường S, Ấp A, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

(*nguyên đơn, bị đơn có mặt phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quang M trình bày:

Về hôn nhân và gia đình: Anh và chị M kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05/5/2017. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan niệm và tính cách nhìn nhận cuộc sống xã hội không phù hợp. Từ tháng 06/2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không sống chung với nhau, mặc dù đã cố gắng hòa hợp nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Tại phiên tòa, anh M1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do chị M nghi ngờ vô cớ là anh có người thứ ba, anh đã giải thích nhưng chị M không tin tưởng anh. Khi chị M sinh con thứ hai, anh có liên hệ kêu chị M về cùng chung sống để hàn gắn tình cảm nhưng chị M không đồng ý. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 24/01/2018 và Nguyễn Quang V, sinh ngày 29/12/2020, hiện hai con chung đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, anh M1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Q, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi cháu Quang. Anh M1 đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vinh, anh M1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V, mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng, kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Kiều M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05/5/2017. Thời gian tìm hiểu để đi đến hôn nhân là 10 năm, tuy nhiên sau khi kết hôn thì chị và anh M1 mâu thuẫn trong cách sống, chị nghi ngờ anh M1 có người thứ ba nhưng anh M1 không giải thích. Khi chị mang thai cháu Nguyễn Quang Vinh thì anh M1 thường đi sớm về trễ nên để tránh ảnh hưởng tâm lý khi mang thai chị về nhà cha mẹ để sinh sống. Nay chị không đồng ý ly hôn, chị muốn hàn gắn với anh M1 và hiện nay 02 con chung còn rất nhỏ do đó chị muốn duy trì gia đình để các con có đầy đủ tình cảm của cả cha và mẹ, tạo điều kiện để trẻ được phát triển thuận lợi về thể chất và tinh thần. Ngoài ra, mâu thuẫn giữa chị và anh M1 không đến mức trầm trọng mà không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, chị vẫn đang cố gắng hàn gắn với anh M1 nên chị mong có cơ hội để duy trì gia đình hạnh phúc cùng anh M1 và các con.

Về con chung: Chị thống nhất như anh M1 trình bày. Chị không đồng ý ly hôn nhưng nếu buộc phải ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn anh Nguyễn Quang M yêu cầu được ly hôn và yêu cầu về con chung với chị Nguyễn Thị Kiều M, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị Kiều M có địa chỉ tại xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang M và chị Nguyễn Thị Kiều M chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05/5/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa anh M1 và chị M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Anh Nguyễn Quang M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều M vì cho rằng mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh M1 khẳng định mâu thuẫn của anh và chị M là do chị M nghi ngờ, nhưng thực tế anh hoàn toàn không có người thứ ba. Anh vẫn thường xuyên tới lui thăm nom, chăm sóc, lo lắng cho các con chung. Chị M trình bày do chị nghi ngờ và để có được thai kỳ thuận lợi nên chị về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, hiện nay anh M1 vẫn thường xuyên tới lui thăm nom con, chị tha thiết muốn hàn gắn, kết nối tình cảm và duy trì gia đình hạnh phúc để các con phát triển thuận lợi về thể chất, tinh thần. Xét thấy, quan hệ hôn nhân có anh M1 và chị M có mâu thuẫn nhưng đây là những mâu thuẫn có thể diễn ra trong đời sống hôn nhân bình thường, mức độ mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, hôn nhân vẫn có thể duy trì, hàn

gắn để tạo lập gia đình hạnh phúc, tạo điều kiện cho 02 cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 24/01/2018 và Nguyễn Quang V, sinh ngày 29/12/2020 phát triển thuận lợi về thể chất và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quang M.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quang M nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét về con chung, tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quang M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Quang M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Quang M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005467 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Anh Nguyễn Quang M đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị Kiều M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo

